

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1875/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;


Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

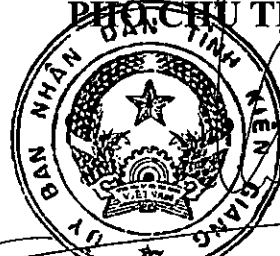
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen(01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

ĐỀ ÁN

**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn
tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Tính đến ngày 31/12/2019, trên địa bàn tỉnh có 9.313 doanh nghiệp, vốn điều lệ đăng ký là 111.600,7 tỷ đồng. Trong số 9.313 doanh nghiệp có 9.066 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm 97,35%, đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, nguồn lực tài chính yếu, số lượng doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, giải thể còn nhiều; đối với hộ kinh doanh còn hạn chế nhiều mặt: quy mô, trình độ quản lý, ứng dụng kỹ thuật công nghệ, thị trường,...

- Qua kết quả phân tích dữ liệu khảo sát DNNVV tại tỉnh Kiên Giang do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành, với 209 doanh nghiệp được khảo sát và trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện, thành phố, chủ yếu tập trung vào 5 khó khăn lớn nhất mà các DNNVV gặp phải trên cơ sở báo cáo của các huyện, thành phố như sau:

- (1) Thiếu nguồn vốn đầu tư, thiếu thông tin.
- (2) Công nghệ lạc hậu, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ tại các DNNVV còn hạn chế.
- (3) Năng lực quản trị, nguồn nhân lực còn hạn chế.
- (4) Việc tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các doanh nghiệp còn hạn chế.
- (5) Doanh nghiệp khó tiếp cận các chính sách, ưu đãi hỗ trợ đầu tư.

Mong muốn của các doanh nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, kinh doanh như sau:



STT	Nội dung doanh nghiệp đề xuất	Số lượt đề xuất
01	Ưu đãi đầu tư, cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư.	123
02	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, sử dụng vốn hiệu quả.	116
03	Hỗ trợ thuế, kế toán.	90
04	Hỗ trợ mặt bằng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho DNNVV.	40
05	Hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ	40
06	Hỗ trợ mở rộng thị trường	72
07	Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý	73
08	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	20
09	Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh	35
10	Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	26
11	Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	11

- Kết quả khảo sát phần lớn các DNNVV đề xuất tập trung vào các nội dung sau: ưu đãi đầu tư, cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư (123 đề xuất); hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, sử dụng vốn hiệu quả (116 đề xuất); hỗ trợ thuế, kế toán (90 đề xuất); hỗ trợ mở rộng thị trường (72 đề xuất); hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý (73 đề xuất). Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng đề nghị có chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp; hỗ trợ thêm cho các doanh nghiệp thủy sản, các doanh nghiệp có các hoạt động xuất nhập khẩu, đơn giản hóa thủ tục hành chính,...

- Trong thời gian qua, UBND tỉnh Kiên Giang đặc biệt quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trong việc phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV; nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được triển khai trên địa bàn tỉnh như: tăng cường công tác cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất, khởi nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp,... góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp phát triển.

- Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh chưa có một cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ đối tượng DNNVV, khu vực doanh nghiệp này hiện còn nhiều hạn chế trong

năng lực kết nối thị trường, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; yếu trong năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp, kiến thức pháp lý do đó hiệu quả kinh doanh chưa cao, phương án sản xuất kinh doanh chưa được chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh; yếu về nguồn lực và tiếp cận nguồn vốn; hạn chế trong nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ; thiếu thông tin hội nhập, thụ động về các nguyên tắc, cam kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư đặc biệt là các cam kết song phương, đa phương chưa được hỗ trợ để khắc phục.

- Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 12/6/2017, trong đó quy định khung nội dung hỗ trợ tập trung vào DNNVV và doanh nghiệp được chuyển đổi thành lập từ hộ kinh doanh.

- Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với khu vực DNNVV của tỉnh trong thời gian tới cần thiết phải xây dựng một chính sách và có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, địa phương, đơn vị trong thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh từng bước phát triển bền vững qua đó đóng góp chung vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (gọi tắt là Đề án) được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển của các DNNVV, nhu cầu của các doanh nghiệp để làm cơ sở đề xuất chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ.

- Với những lý do trên, việc xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 là cần thiết, nhằm mục tiêu hỗ trợ các DNNVV có tiềm năng phát triển trong một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, địa bàn trong một hoặc nhiều giai đoạn.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017.

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

a) Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV quy định tại Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 03/6/2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017, các Nghị định của Chính phủ và văn bản liên quan nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DNNVV đóng góp ngày càng nhiều vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh.

b) Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho DNNVV theo phương hướng nâng cao chất lượng, phát triển về số lượng, đạt hiệu quả kinh tế, góp phần tạo nhiều việc làm, giảm nghèo, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực quản trị, năng lực tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phân đầu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có trên 13.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Bình quân hàng năm có từ 100 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

b) Phân đầu đến năm 2025, có 100 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

c) Tỷ trọng doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 5%.

d) Số lao động được giải quyết việc làm trên 140.000 lao động.

đ) Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 89%/ tổng vốn đầu tư toàn xã hội (năm 2019 chiếm khoảng 75%).

e) Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng trung tâm ươm tạo khởi nghiệp sáng tạo tỉnh mang tầm khu vực và quốc gia.

g) Hình thành được các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị chủ yếu: chế biến nông-thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp-dịch vụ hậu cần nghề cá. Mỗi lĩnh vực có ít nhất từ 1 - 2 cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khoảng 200 doanh nghiệp.

h) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia hướng đến sản phẩm, sản xuất theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp tham gia cùng sản xuất nông nghiệp, nhất là sản phẩm công nghệ cao.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Đề án quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ DNNVV thành lập và có hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong khuôn khổ các cơ chế chính sách chung của Nhà nước.

b) Đề án được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ.

3.1. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, DNNVV được nhận nguồn lực hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Nhóm 1: DNNVV do phụ nữ làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn; DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; DNNVV có sử dụng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật hoặc doanh nghiệp có tiêu thụ sản phẩm của hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật (tỷ lệ tối thiểu là 20% lao động hoặc doanh số tiêu thụ); DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; DNNVV hoạt động ở xã đặc biệt khó khăn,



bãi ngang ven biển. Doanh nghiệp nào nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước sẽ được hỗ trợ trước.

b) Nhóm 2: DNNVV còn lại. Doanh nghiệp nào nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước sẽ được hỗ trợ trước.

3.2. Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo Đề án này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ DNNVV

Mục 1 HỖ TRỢ CHUNG

1. Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho DNNVV

1.1. Được cung cấp thông tin miễn phí trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, gồm:

a) Thông tin kinh tế - xã hội; kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm; thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh.

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp.

c) Bản đồ tổng thể các đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong và ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bảng giá đất hàng năm trên địa bàn tỉnh.

d) Danh mục và thông tin các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh; các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp.

1.2. Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến những chính sách hỗ trợ thành lập doanh nghiệp trên địa bàn.

2. Hỗ trợ tư vấn, hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp

a) Được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh: đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đăng ký chứng chỉ hành nghề,...



b) Được hỗ trợ miễn phí về tư vấn pháp luật, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Đơn vị đầu mối chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tỉnh cũng có nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn hoàn thiện hồ sơ doanh nghiệp: đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đăng ký chứng chỉ hành nghề,...

3. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ

3.1. Hỗ trợ thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ thuộc các loại hình công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

3.2. Mức hỗ trợ:

a) Được hỗ trợ 30% nhưng không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp đối với các hoạt động: nghiên cứu và phát triển sản phẩm; nghiên cứu phát triển công nghệ (tập trung vào cải tiến máy móc, thiết bị) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra sản phẩm mới và không quá một hoạt động/doanh nghiệp mỗi năm.

b) Hỗ trợ 30% nhưng không quá 400 triệu đồng/doanh nghiệp đối với các hoạt động: hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ, thiết bị mới tiên tiến, thay thế một phần công nghệ, thiết bị cũ (thiết bị công nghệ thực hiện dự án cải tiến công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và cạnh tranh được với giống nhập khẩu) và không quá một hoạt động/doanh nghiệp mỗi năm.

c) Hỗ trợ 50% chi phí thực hiện Dự án Cải tiến năng suất chất lượng nhưng không quá 200 triệu đồng/dự án và không quá một dự án/doanh nghiệp mỗi năm (áp dụng hệ thống quản lý, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; công cụ cải tiến năng suất chất lượng; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật...) theo chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp đối với các hoạt động: đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích ở trong nước.

3.2. Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Thực hiện theo quy chế Hỗ trợ chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Kiên Giang.

5. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Miễn chi phí đào tạo kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý và điều hành doanh nghiệp; kê khai thuế, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý, quản trị tài chính do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tổ chức.

b) Hỗ trợ 50% học phí tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, kiến thức quản lý cấp trung, cấp cao và đào tạo chuyên đề khác theo nhu cầu của doanh nghiệp do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tổ chức có thu học phí.

c) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh: hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo kiến thức về khởi sự và quản trị doanh nghiệp, lập phương án sản xuất kinh doanh cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Chi phí hỗ trợ không quá 30 triệu đồng trên một khóa đào tạo.

d) Hình thức hỗ trợ: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, lập dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện theo quy định.

đ) DNNVV được miễn chi phí tham gia các phiên giao dịch việc làm để tuyển dụng lao động do cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức.

Mục 2

HỖ TRỢ DNNVV CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: (1) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật; (2) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; được các sở chuyên ngành tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh; miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu

a) DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

b) DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì cần có đơn gửi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy phép. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại giấy phép trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn.

Trường hợp DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh vẫn sản xuất kinh doanh ngành nghề kinh doanh, có điều kiện mà thay đổi về quy mô thì cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về quy trình, thủ tục việc cấp phép lần đầu.

4. Hỗ trợ lệ phí môn bài

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ tiền sử dụng đất

a) DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cơ quan thuế tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 3

HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

1. Tiêu chí lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện theo Điều 20 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ; mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý. Mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

đ) Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

3. Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hợp đồng đối với sản phẩm, hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia và không quá 10 triệu đồng/hợp đồng đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có tiêu chuẩn quốc gia và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.



b) Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; hỗ trợ 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm/ doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý Nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần/năm/doanh nghiệp.

đ) Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

4. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ

a) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ cao nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định từ nguồn phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang.

5. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa

a) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khóa đào tạo và không quá một khóa đào tạo trên năm.

b) Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp tham gia hội chợ trong nước, mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp tham gia hội chợ ở nước ngoài. Được ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách Nhà nước.

c) Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan căn cứ chức

năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

6. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Hỗ trợ 100% chi phí năm đầu tiên thuê văn phòng làm việc trong không gian làm việc chung tại Vườn ươm khởi nghiệp tỉnh Kiên Giang. Mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 50% chi phí năm thứ hai thuê văn phòng làm việc trong không gian làm việc chung tại Vườn ươm khởi nghiệp tỉnh Kiên Giang. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức hỗ trợ: hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

7. Hỗ trợ cho nhà đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều 18 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mục 4

HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Phương thức lựa chọn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh được hỗ trợ nếu đáp ứng các quy định tại Điều 23 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hỗ trợ đào tạo.

Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên một khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá một khóa đào tạo trên năm.

3. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa; Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường.

a) Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp tham gia hội chợ trong nước, mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp tham gia hội chợ ở nước ngoài. Được ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách Nhà nước.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm cho mỗi doanh nghiệp.

5. Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hợp đồng đối với sản phẩm, hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia và không quá 10 triệu đồng/hợp đồng đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có tiêu chuẩn quốc gia và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; hỗ trợ 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo

lượng nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hợp đồng và không quá một hợp đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.

a) Hỗ trợ 100% chi phí cho một trong những hoạt động: thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng trên một lần và không quá một lần trên năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý Nhà nước, nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm cho mỗi doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ, nhưng không quá 30 triệu đồng trên một lần và không quá một lần trên năm cho mỗi doanh nghiệp.

Phần III KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện hỗ trợ DNNVV, giai đoạn 2021-2025 là 98.820 triệu đồng. Bao gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, chi tiết hàng năm như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2021 - 2025					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	14.560	15.760	22.200	22.500	23.800	98.820
I	HỖ TRỢ CHUNG.	5.060	5.060	9.350	9.650	10.750	39.870
1	Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ.	4.700	4.700	8.900	9.200	10.300	37.800
2	Hỗ trợ phát triển	360	360	450	450	450	2.070

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2021 - 2025					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	nguồn nhân lực.						
II	HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO.	5.150	5.150	6.450	6.450	6.650	29.850
1	Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.	900	900	1.350	1.350	1.350	5.850
2	Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.	1.100	1.100	1.650	1.650	1.650	7.150
3	Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ (Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ cao).	500	500	800	800	1.000	3.600
4	Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	10.500
5	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.	550	550	550	550	550	2.750
III	HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ.	4.350	5.550	6.400	6.400	6.400	29.100
1	Hỗ trợ đào tạo (hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất	150	150	150	150	150	750

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2021 - 2025					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	chuyên biệt tại hiện trường)						
2	Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.	750	1.500	1.500	1.500	1.500	6.750
3	Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường.	2.250	2.250	2.500	2.500	2.500	12.000
4	Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.	500	600	850	850	850	3.650
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	700	1.050	1.400	1.400	1.400	5.950

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện Đề án này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện định kỳ hằng năm.

a) Tổng hợp, rà soát trình UBND tỉnh danh mục các dự án kêu gọi đầu tư thuộc phạm vi của Đề án do các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố đề xuất.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng cơ chế, chính sách phát triển DNNVV theo sự phân công của UBND tỉnh.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thu hồi quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,... đối với các dự án không khả năng triển khai, triển khai không đúng tiến độ quy định, để tạo mặt bằng cho các DNNVV có nhu cầu đăng ký đầu tư, kinh doanh.



d) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp cho các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

đ) Hướng dẫn trực tiếp và biên soạn các tài liệu, tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

e) Hướng dẫn doanh nghiệp đến các cơ quan có liên quan, để tiến hành thực hiện các thủ tục sau đăng ký thành lập doanh nghiệp như: thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự...

2. Sở Tài chính: trên cơ sở dự toán thực hiện của các đơn vị xây dựng, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thẩm tra, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trên cơ sở nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện Đề án.

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện quy trình, thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ của Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế vận hành và phương thức hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh việc hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho DNNVV; công bố danh mục các văn bản hướng dẫn về nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với DNNVV. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài, đề án, phát minh, sáng kiến theo chương trình năng suất, chất lượng quốc gia.

a) Hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp xây dựng áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như: HACCP; FSSC 22000; Global GAP; ISO 9001; ISO 14001;

ISO/IEC 17025; ISO 15189... hoặc áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng như: 5S, Kaizen; Lean, Six Sigma, TPM, KPI, MFCA, BSC...

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung có trên địa bàn; nghiên cứu vận dụng các chính sách hỗ trợ, đề xuất các giải pháp, chương trình hành động nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hỗ trợ công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; đề xuất danh mục các dự án kêu gọi đầu tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; đề xuất ngành, lĩnh vực tiềm năng cần hỗ trợ để khởi nghiệp sáng tạo; đề xuất hoạt động hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo,...

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cùng các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

đ) Tham mưu cho UBND tỉnh Thành lập Hội đồng, trình tự, thủ tục lựa chọn đối tượng tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì rà soát, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng, tạo thuận lợi cho DNNVV trong tiếp cận đất đai.

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV thực hiện cơ chế tự thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiến hành các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

5. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV; xây dựng quy trình, hướng dẫn, các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo đúng quy định. Tổng hợp kế hoạch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành báo cáo UBND tỉnh.

a) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến lao động đối với DNNVV.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kết nối cung - cầu lao động, thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

6. Sở Nội vụ: chủ trì rà soát, theo dõi, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, hàng năm tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh khen thưởng kịp thời các sở, ngành, địa phương thực hiện tốt Đề án; tham mưu UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giao tại Đề án.

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập và tổ chức hoạt động hội nghề nghiệp.

7. Sở Công Thương: chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh điều chỉnh cơ chế hỗ trợ mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, liên kết ngành, lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ cho DNNVV và triển khai, hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành, triển khai cơ chế, giải pháp về xây dựng phát triển chuỗi giá trị, chuỗi phân phối sản phẩm cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người tiêu dùng,... Hướng dẫn thực hiện chương trình khuyến công và phát triển thương mại điện tử; giải pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu.

a) Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư; đề xuất danh mục các dự án kêu gọi đầu tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; đề xuất hoạt động hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: hình thành, xác định các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị Nhà nước cần ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển, đề xuất giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn của vùng, ngành với DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhằm tận dụng lợi thế vùng sản phẩm, tiêu chuẩn hóa sản phẩm,...

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai quy hoạch diện tích đất dành cho DNNVV trong cụm công nghiệp; hỗ trợ DNNVV tìm kiếm mặt bằng, để triển khai dự án sản xuất, kinh doanh ngoài các

cụm công nghiệp; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ mặt bằng sản xuất trong cụm công nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng marketing, thương mại điện tử, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế và các khóa học về điều kiện kinh doanh lĩnh vực công thương.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang và các đơn vị có liên quan xây dựng quy trình, thủ tục lựa chọn các DNNVV của tỉnh tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng các chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

8. Sở Tư pháp: tiếp tục phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, các hội/hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh tổ chức đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho DNNVV trên địa bàn.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức lựa chọn, trình UBND tỉnh triển khai thí điểm hỗ trợ DNNVV tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, các cơ quan truyền thông tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Đề án; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phù hợp để phổ biến nội dung của Đề án. Đẩy mạnh hỗ trợ, khuyến khích DNNVV đầu tư khởi nghiệp sáng tạo nhất là trong lĩnh vực nội dung số.

11. Cục Thuế tỉnh: chủ trì, phân công các chi cục thuế trên địa bàn hướng dẫn và tuyên truyền công tác quản lý thuế, kê khai quyết toán và chấp hành các chính sách, pháp luật về thuế; hướng dẫn, tư vấn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế; hướng dẫn và thực hiện chính sách phí, lệ phí, chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho doanh nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo về chính sách thuế và kế toán thuế cho doanh nghiệp mới thành lập.

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn miễn phí về các dịch vụ thuế điện tử đối với doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.



b) Chỉ đạo các chi cục thuế trực thuộc, chủ động phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố vận động, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang DNNVV; hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán thuế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất, chỉ đạo đơn vị trực thuộc thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí các thủ tục hành chính và chính sách pháp luật về thuế kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

12. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh: chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV (bao gồm các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh): các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh; các chương trình đào tạo hướng dẫn về lập phương án sản xuất kinh doanh cho các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; quản trị doanh nghiệp và các chương trình hỗ trợ đào tạo theo quy định.

a) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của các DNNVV trên địa bàn tới các thị trường, nhà đầu tư trong và ngoài nước; triển khai thực hiện các chương trình hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa các doanh nghiệp trên địa bàn với các thị trường trong nước và nước ngoài.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Kiên Giang:

13.1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng, đặc biệt việc tổ chức thực hiện các chương trình tín dụng hỗ trợ DNNVV tại các tổ chức tín dụng đảm bảo các DNNVV đáp ứng điều kiện đều được thụ hưởng chính sách.

13.2. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn:

a) Triển khai kịp thời các sản phẩm tín dụng hỗ trợ DNNVV theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ ở từng thời kỳ phù hợp hướng dẫn của hội sở chính, các chương trình tín dụng hỗ trợ của địa phương (nếu có).



b) Tăng cường phối hợp với Quỹ Bảo lãnh tín dụng địa phương tháo gỡ các khó khăn vướng mắc hiện hữu, tiếp tục phối hợp trong việc cho vay có bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng phù hợp định hướng phát triển; phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh thực hiện cấp tín dụng có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh cho DNNVV theo quy định tại Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình tín dụng từ hội sở chính mở rộng tín dụng vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; công khai hóa thủ tục cho vay, cung cấp dịch vụ tới khách hàng; tham gia các hoạt động nhằm cải tiến, đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay theo chỉ đạo của hội sở chính nhằm giảm bớt phiền hà cho khách hàng vay vốn, nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay.

14. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: chủ trì hỗ trợ cung cấp, hướng dẫn thông tin và thủ tục đầu tư đối với các DNNVV, doanh nghiệp mới thành lập có nhu cầu thuê lại mặt bằng sản xuất tại các khu công nghiệp trên địa bàn; khai thác hiệu quả các khu công nghiệp; khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tập trung tạo điều kiện thuận lợi đầu tư hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông báo công khai quy hoạch, diện tích đất trong các khu công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, trang thông tin điện tử,... để các DNNVV tiếp cận, tìm kiếm mặt bằng để sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp; kịp thời hỗ trợ phát triển DNNVV trong quá trình triển khai dự án trong các khu công nghiệp.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Kiên Giang và các tổ chức đoàn thể khác tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV; về chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

16. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang, Hội Doanh nghiệp trẻ, các hội nghề nghiệp...: tích cực triển khai tuyên truyền Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, Đề án này đến các DNNVV, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phát huy vai trò là cầu nối giữa chính quyền tỉnh với cộng đồng DNNVV; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và nhu cầu của doanh nghiệp và đề xuất trong xây dựng cơ chế chính sách.



17. Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tư vấn, cung cấp thông tin, hoàn thiện hồ sơ doanh nghiệp cho DNNVV; các sở, ngành, đơn vị cấp giấy phép kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo thẩm quyền, có trách nhiệm bố trí bộ phận tư vấn hướng dẫn miễn phí trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, thực hiện miễn phí thẩm định và lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

18. Các cá nhân, tổ chức, hộ kinh doanh trên địa bàn: cung cấp thông tin, tài liệu về thành lập doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

19. Các nội dung khác chưa quy định trong Đề án này: thì thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn. Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan, đơn vị phát hiện các nội dung của Đề án này mâu thuẫn với các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn thì thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn, đồng thời báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

20. Quy chế phối hợp, quản lý, giám sát và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án: Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch của ngành, cơ quan, đơn vị mình nhằm cụ thể hóa triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.